

**Đầu nối khí**  
**NPQE-D-Q6-Q4-P10**  
Số bộ phận: 8113106

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                            |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Mini                                                               |
| Chiều rộng định mức                             | 2.3 mm                                                             |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kỳ                                                             |
| Thiết kế                                        | dạng thẳng                                                         |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                 |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                 |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.8 MPA<br>-0.95 bar...8 bar<br>-13.775 psi...116 psi |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                           |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364 Vùng III                                                 |
| Loại phòng sạch                                 | Loại 4 theo ISO 14644-1                                            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -5 °C...60 °C                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                            | 3.02 g                                                             |
| Cổng nối khí nén 1                              | đối với ống mềm Ø ngoài 6 mm                                       |
| Cổng nối khí nén 2                              | đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm                                   |
| Màu vòng nhả                                    | màu xanh dương                                                     |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                      |
| Vật liệu vỏ                                     | PBT                                                                |
| Vật liệu vòng nhả                               | POM                                                                |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm                   | NBR                                                                |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                           | Thép không gỉ                                                      |